

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

ASAMA S3S MID TLS

ASAMAS3MTL

Giày bảo h ọ ộ t n g l ư ợn g nh i ệ n ớ gh ệ **TLS**

công

Safety Jogger ASAMAS3MTL mang **khóa** TLS, đế g thủn g, bảo v ệ ngón chân và ESD.

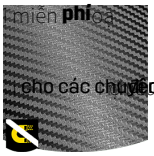


BLK

Những vật liệu cao cấp hơn	may
lót bên trong	tái chế lướ
trong Đ	ệm chân SJ Memory Foam
iữa đế g	ệt chống thủ Dũng
ngoài Đ	Philon/cao su
u Đứng đầ	ổng hợp t
Loạ	S3S / SR, FO, HI, HRO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-47 / UK 3.0-12.0 / US 3.0-13.0 JPN 21.5-31 / KOR 230-310
ng lượng thép	0.550 kg
ẩn hiệu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022+A1:2024



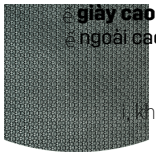
TLS (Hệ thống **khóa** x Nhờ phần đóng TLS sáng tạo Safety Jogger , bạn có thể giày và hoàn ngay tại và trong mọi hoàn cảnh, ngay cả khi đeo găng tay an toàn này, hệ thống TLS đảm bảo độ chính xác phù hợp nhanh chóng, an toàn và dễ dàng. Một trong đó cung ấp thúc đẩy hiệu s



Kim l Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên



X ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa bắt lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



giày cao su
ngoài cao su cung cấp các tính năng linh hoạt giúp chúng phù tính hợp ứng dụng: khả năng chống cắt năng chịu nhiệt và độ lạnh, tính linh hoạt cao ở nhiệt độ lạnh, khả năng tuyệt và nhiều l



& nhiên
ngoài có khả năng và nhiên



(SR)
dây SR theo SR có nghĩa là phép thử thực hiện và phòng và dà

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, Ngành công n ờng hiệ ng phụ

ường: **Môi** t
rư ờn g **môi khô,** Bề mặt cự c mị n ờn, **môi** ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẩ m phù hợ p

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu Tổ n g hợ p **may** , D **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng thấm nước	? 0.8		21.09	ờ	mg/cm/g
	Top: hi ệu suất hấ p	? 15		169		mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế					
	L ớp lót: thấm nước	? 2		49.8	ờ	mg/cm/g
	lót: hi ệu suất hấ p	? 20		398.8		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ Memory Foam**						
	ệ m chân Đ	Chố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles		chu kỳ
goài Đ	**Phlon/cao su**					
	Ch ố ma sát tĩnh đế ngoài (	mài mòn)	? 150	128		mm
	Chư ố trơ t gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót, v ề phía t		? 0.31	0.48		ma sát
	rư Cột cố mộ bả - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t		? 0.36	0.43		ma sát
	rư Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót, phía t		? 0.19	0.41		ma sát
	Chư ố trơ t SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t		? 0.22	0.34		ma sát
	rị ch ố Giá t tĩnh điệ n		0.1 - 1000	14.6		megaohm
	rị ESD Giá t		0.1 - 100	11.6		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân củ		? 20	35		J
Đ ỡ n g đầ tợ p						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)		N/A	N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)		N/A	N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)		? 14	18.5		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)		? 14	23.0		mm

kích thước thép: 42

a chú Giày bảo hộ có thể thay thế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO# hát** thả					
	V ật l iệu		4.61		kg
	Bao bì		0.13		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			6.90 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ ỷ **tái** ch ế				
	Product		9%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] thay đổi.